

Số: **62** /KL-TTr

Hà Nội, ngày **11** tháng **4** năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA
**Việc chấp hành các quy định của pháp luật giáo dục
nghề nghiệp tại Trường Cao đẳng Đại Việt**

Thực hiện Quyết định số 26/QĐ-TTr ngày 13/02/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTĐBXH) về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp (sau đây viết tắt là GDNN) tại Trường Cao đẳng Đại Việt, từ ngày 24/02/2023 đến ngày 28/02/2023, Đoàn thanh tra đã kiểm tra, xác minh tại Trường Cao đẳng Đại Việt (sau đây gọi tắt là Trường) và các tổ chức, cá nhân có liên quan; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2020 đến thời điểm tiến hành thanh tra.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 20/3/2023 của Trường đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ LĐTĐBXH kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Trường Cao đẳng Đại Việt

2. Địa chỉ

2.1. Trụ sở chính: xã Nội Duệ và thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Điện thoại: 0965 588 486 Email: daiviet220208@gmail.com.

2.2. Địa điểm đào tạo: xã Nội Duệ và thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

3. Loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp: tư thục

4. Quyết định cho phép thành lập/đổi tên cơ sở GDNN

Quyết định số 816/QĐ-BGDĐT ngày 22/02/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “thành lập Trường Cao đẳng Đại Việt”.

5. Hội đồng Quản trị; Quy chế tổ chức, hoạt động; Hiệu trưởng

5.1. Hội đồng Quản trị

- Hội đồng quản trị của Trường nhiệm kỳ 2019 - 2024 được Tổng cục GDNN công nhận tại Quyết định số 1440/QĐ-TCGDNN ngày 19/11/2019, gồm 05 thành viên là đại diện tổ chức đoàn thể, đại diện nhà giáo do ông Đoàn Văn Bình là Chủ tịch hội đồng quản trị.

- Hội đồng Quản trị đã họp định kỳ 3 tháng/ lần theo quy định.



5.2. Quy chế tổ chức, hoạt động

Đã ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của trường (theo Quyết định số 2511/QĐ-HĐQT ngày 25/11/2021 của Hiệu trưởng); Quy chế tổ chức, hoạt động do hiệu trưởng ban hành theo quyết nghị của hội đồng quản trị; Quy chế tổ chức, hoạt động của trường đủ các nội dung theo quy định của pháp luật.

5.3. Hiệu trưởng

Ông Đoàn Văn Minh, sinh ngày 05/04/1976, Quyết định công nhận số 206/QĐ-LĐTĐ ngày 04/02/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐ; đã được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN theo Quyết định số 550/QĐ-TCGDNN ngày 01/09/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN.

6. Giấy chứng nhận đăng ký (đăng ký bổ sung) hoạt động giáo dục nghề nghiệp)

6.1. Giai đoạn trước ngày 06/4/2020

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 317/2017/GCNĐKHĐ-TCĐN ngày 11/8/2017 do Tổng cục Dạy nghề (nay là Tổng cục GDNN) cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 317a/2017/GCNĐKBS – TCGDNN ngày 06/9/2018 do Tổng cục GDNN cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 317b/2017/GCNĐKBS – TCGDNN ngày 22/01/2020 do Tổng cục GDNN cấp.

6.2. Từ ngày 07/4/2020 đến thời điểm thanh tra

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 48/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 07/4/2020 do Tổng cục GDNN cấp.

Số học sinh quy đổi theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 48/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN

TT	Ngành, nghề	Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Quy mô tuyển sinh/năm	Số học sinh quy đổi
1	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng	03 năm	70	210
2	Tài chính ngân hàng	Cao đẳng	03 năm	70	210
3	Kế toán	Cao đẳng	03 năm	105	315
4	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Cao đẳng	03 năm	50	150
5	Quản trị khách sạn	Cao đẳng	03 năm	50	150
6	Quản trị nhà hàng	Cao đẳng	03 năm	50	150
7	Kỹ thuật chế biến món ăn	Cao đẳng	03 năm	50	150
8	Dược	Cao đẳng	03 năm	60	180

9	Điều dưỡng	Cao đẳng	03 năm	60	180
10	Nhân viên chăm sóc (03 tháng)	Sơ cấp	03 tháng	100	25
11	Nhân viên chăm sóc (06 tháng)	Sơ cấp	06 tháng	100	50
Tổng số học sinh quy đổi					1.770

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các điều kiện đảm bảo hoạt động giáo dục nghề nghiệp

1.1. Cơ sở vật chất

1.1.1. Về diện tích đất sử dụng chung toàn trường: 54.930 m² (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 925642 do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 04/6/2021 được sử dụng đến ngày 06/11/2057).

1.1.2. Diện tích các hạng mục công trình đã xây dựng: 4.778 m², trong đó:

- Phòng làm việc của cán bộ, giáo viên: 09 phòng, tổng diện tích 532 m².

- Các công trình phụ trợ: phòng họp, hội trường, thư viện (thư viện chưa có các phần mềm để tra cứu tài liệu), căng tin, phòng luyện tập thể thao, sân bóng đá, tổng diện tích 2.279 m²:

+ Phòng học lý thuyết: 16 phòng, tổng diện tích 900 m².

+ Phòng học thực hành: 24 phòng, tổng diện tích 1.370 m².

+ Vườn thực hành: 01 vườn, diện tích 300 m².

- Qua kiểm tra cho thấy:

+ Khu hành chính và khu hiệu bộ đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn, đủ diện tích ít nhất 08 m²/người, cụ thể: diện tích các phòng làm việc là $532 \text{ m}^2/35 = 15,2 \text{ m}^2/\text{người}$.

+ Diện tích phòng học lý thuyết, phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy: đối với quy mô tuyển sinh đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN: $(900 + 1.670)/1.770 \times 2$ (học 02 ca/ngày) = 2,9 m²/chỗ học, chưa đủ diện tích bình quân ít nhất 5.5 m²/chỗ học; đối với quy mô thực tế đang đào tạo tại Trường: $(900 + 1.670)/288 \times 2$ (học 02 ca/ngày) = 17,8 m²/chỗ học, đủ diện tích bình quân ít nhất 5.5 m²/chỗ học.

+ Số phòng học lý thuyết đủ theo quy định: đối với quy mô tuyển sinh đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN: số phòng học lý thuyết cần có $1770/70 \times 30\% = 08$ phòng (đào tạo 02 ca/ngày, thời gian học lý thuyết 30%), Trường hiện có 16 phòng; đối với quy mô đang đào tạo tại Trường: số phòng học lý thuyết cần có $18 \text{ lớp}/2 \text{ ca} \times 30\% = 03$ phòng, Trường hiện có 16 phòng.

+ Số phòng, xưởng thực hành, thực tập đủ theo quy định: đối với quy mô

tuyển sinh đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN: số phòng, xưởng thực hành, thực tập cần có $1.770/36 \times 70\% = 35$ phòng (đào tạo 02 ca/ngày, thời gian học thực hành 70%), Trường hiện có 25 phòng (trong đó có 10 phòng thực hành ghép diện tích từ 100 m² trở lên); đối với quy mô đang đào tạo tại Trường: số phòng, xưởng thực hành, thực tập cần có $18 \text{ lớp}/2\text{ca} \times 70\% = 7$ phòng, Trường hiện có 25 phòng.

1.2. Trang thiết bị đào tạo

- Đối với nghề Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng, Kỹ thuật chế biến món ăn: qua kiểm tra thiết bị hiện có của trường và danh mục thiết bị theo các hợp đồng thuê cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo (Hợp đồng số 28/HĐ-DL C.E.O ngày 22/11/2020 giữa Trường và Công ty Cổ phần du lịch C.E.O; Hợp đồng số 22/HĐ-HOS ngày 25/11/2021 giữa Trường và Công ty TNHH C.E.O Hospitality) cho thấy: nghề Quản trị khách sạn có thiết bị đào tạo theo danh mục quy định tại phụ lục 94b Thông tư số 16/2021/TT-BLĐTBXH ngày 08/11/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho 98 ngành, nghề (sau đây gọi tắt là Thông tư số 16/2021/TT-BLĐTBXH); nghề Quản trị nhà hàng có thiết bị đào tạo theo danh mục quy định tại phụ lục 96b Thông tư số 16/2021/TT-BLĐTBXH; nghề Chế biến món ăn có thiết bị đào tạo theo danh mục quy định tại phụ lục 38b Thông tư số 15/2020/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho 41 ngành, nghề (sau đây gọi tắt là Thông tư số 15/2020/TT-BLĐTBXH); nghề Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có thiết bị đào tạo theo danh mục quy định tại lục 54b Thông tư số 10/2021/TT-BLĐTBXH ngày 10/9/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho 116 ngành, nghề (sau đây gọi tắt là Thông tư số 10/2021/TT-BLĐTBXH).

- Đối với nghề Dược và Điều dưỡng: qua kiểm tra thiết bị hiện có của trường và danh mục thiết bị theo các hợp đồng thuê cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo (Hợp đồng số 1508/HĐ-ĐHTĐ ngày 15/8/2022 giữa Trường và Đại học Hòa Bình; Hợp đồng số 1611/2019/ĐV-BY ngày 16/11/2019 giữa Trường và hộ kinh doanh cửa hàng vật tư y tế tiêu hao Bảo Yên, số 111, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; Hợp đồng không số giữa Trường và Công ty TNHH Dược phẩm HUP; Hợp đồng không số giữa Trường và Công ty TNHH EDUPHARM Quốc tế; Hợp đồng không số giữa Trường và Trung tâm Y tế huyện Tiên Du; Hợp đồng không số giữa Trường và Bệnh viện Đa khoa Hồng Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; Hợp đồng không số giữa Trường và Trung tâm Y tế thành phố Từ Sơn) cho thấy: có thiết bị đào tạo theo danh mục quy định tại phụ lục 36b (đối với nghề Dược), phụ lục 37b (đối với nghề Điều dưỡng) Thông tư số 15/2020/TT-BLĐTBXH.

- Đối với nghề Quản trị kinh doanh, Kế toán và Tài chính ngân hàng: qua kiểm tra thiết bị hiện có của trường và Quyết định số 08-7/2021/QĐ/CEO-TGD

ngày 05/7/2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn CEO (đơn vị sáng lập Trường) cho phép sử dụng cơ sở vật chất của các đơn vị thành viên Tập đoàn cho sinh viên học tập, thực hành và thực tập (Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển du lịch Vân Đồn, Công ty TNHH MTV Phú Kiên, Phú Quốc, Công ty TNHH C.E.O HOSPITALITY, Công ty Cổ phần Du lịch C.E.O tầng 2 tháp C.E.O đường Phạm Hùng, Hà Nội): có thiết bị đào tạo theo yêu cầu đào tạo các module, môn học.

1.3. Đội ngũ cán bộ, nhà giáo

1.3.1. Cán bộ quản lý

Tổng số cán bộ quản lý là 16 người, trong đó: tiến sỹ là 05 người, thạc sỹ là 06 người, đại học là 05 người.

1.3.2. Đội ngũ nhà giáo

Tổng số nhà giáo là 65 người (48 nhà giáo cơ hữu, 17 nhà giáo thỉnh giảng), trong đó:

- Về trình độ chuyên môn, kỹ thuật: 03 tiến sỹ, 30 thạc sỹ, 32 đại học.
- Về năng lực nghiệp vụ sư phạm dạy nghề: chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy nghề: 18 người; chứng chỉ sư phạm: 47 người.
- Trình độ ngoại ngữ: 100% nhà giáo có chứng chỉ ngoại ngữ.
- Trình độ tin học: 100% nhà giáo có chứng chỉ tin học.

1.4. Chương trình, giáo trình đào tạo

1.4.1. Về chương trình đào tạo

a) Đối với chương trình đào tạo trình độ cao đẳng: đã xây dựng, thẩm định, ban hành 09 chương trình đào tạo, gồm các nghề: Kế toán, Quản trị kinh doanh, Tài chính ngân hàng, Kỹ thuật chế biến món ăn, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Dược và Điều dưỡng.

b) Đối với chương trình đào tạo liên thông: Trường chưa thực hiện đào tạo liên thông nên chưa xây dựng chương trình đào tạo.

c) Đối với chương trình đào tạo trình độ sơ cấp: đã xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ sơ cấp nghề nhân viên chăm sóc 03 tháng và 06 tháng.

d) Đối với chương trình đào tạo dưới 03 tháng: Trường chưa tổ chức đào tạo dưới 03 tháng nên chưa xây dựng chương trình đào tạo.

1.4.2. Về giáo trình đào tạo

a) Giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng

- Đã xây dựng, thẩm định và ban hành giáo trình đào tạo 06 nghề: nghề Dược, Điều dưỡng, Quản trị Khách sạn, Quản trị nhà hàng, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Kỹ thuật chế biến món ăn (theo Quyết định số 0211/QĐ-CĐĐV ngày 08/11/2019).

- Đã quyết định lựa chọn 85 giáo trình để đào tạo 04 nghề Quản trị Khách sạn, Quản trị nhà hàng, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Kỹ thuật chế biến món ăn (theo Quyết định số 1711/QĐ-CĐĐV ngày 05/11/2018).

- Đã quyết định lựa chọn 99 giáo trình để đào tạo 03 nghề Quản trị Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán (theo Quyết định số 4220/QĐ-CĐĐV ngày 08/4/2020).

b) Giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp: đã xây dựng, thẩm định và ban hành 02 giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp nghề nhân viên chăm sóc 03 tháng và 06 tháng (theo Quyết định số 0211/QĐ-CĐĐV ngày 08/11/2019).

c) Giáo trình, tài liệu giảng dạy dưới 03 tháng: Trường chưa đào tạo dưới 03 tháng nên chưa xây dựng hoặc lựa chọn giáo trình đào tạo.

2. Việc triển khai các quy định trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp

2.1. Công tác tuyển sinh

a) Xây dựng quy chế tuyển sinh

- Đã xây dựng quy chế tuyển sinh: năm 2020 tại Quyết định số 2101/2020/QĐ-CĐĐV ngày 31/01/2020; năm 2021 tại Quyết định số 1401/QĐ-CĐĐV ngày 20/01/2021; năm 2022 tại Quyết định số 2202/2022/QĐ-CĐĐV.

- Quy chế tuyển sinh đã đảm bảo các nội dung theo quy định: ngành, nghề đào tạo; thời gian tuyển sinh; đối tượng tuyển sinh; hình thức tuyển sinh; chính sách ưu tiên tuyển sinh; ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào; lệ phí tuyển sinh; điều kiện thực hiện phương án tuyển sinh; kế hoạch tuyển sinh, thông báo tuyển sinh; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và giải quyết khiếu nại, tố cáo; chế độ thông tin, báo cáo; khen thưởng, kỷ luật.

b) Thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký tuyển sinh, Ban phúc tra; Ban đề thi, Ban coi thi, Ban chấm thi (ban chuyên môn)

- Đã thành lập Hội đồng tuyển sinh: Quyết định số 2301/2020/QĐ-CĐĐV ngày 31/01/2020, Quyết định số 1601/QĐ-CĐĐV ngày 20/01/2021, Quyết định số 2402/2020/QĐ-CĐĐV ngày 15/02/2022.

- Đã thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh: Quyết định số 2401/QĐ-CĐĐV ngày 31/01/2020, Quyết định số 1701/QĐ-CĐĐV ngày 20/01/2021, Quyết định số 2502/QĐ-CĐĐV ngày 15/02/2022.

- Đã thành lập Ban phúc tra công tác tuyển sinh: Quyết định số 2601/QĐ-CĐĐV ngày 31/01/2020, Quyết định số 1801/QĐ-CĐĐV ngày 20/01/2021, Quyết định số 2602/QĐ-CĐĐV ngày 15/02/2022.

c) Hồ sơ và thủ tục đăng ký dự tuyển vào trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng

- Hồ sơ tuyển sinh gồm: phiếu đăng ký dự tuyển, bản sao giấy khai sinh, giấy khám sức khỏe, học bạ trung học phổ thông, bản sao công chứng bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học phổ thông tạm thời, bản sao công chứng hộ khẩu.

- Thủ tục đăng ký dự tuyển: thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp tại các địa điểm tuyển sinh của Trường hoặc gửi đến trụ sở chính của Trường thông qua đường bưu điện.

- Qua kiểm tra 30 hồ sơ sinh viên đăng ký dự tuyển trình độ cao đẳng cho thấy hồ sơ có bản sao học bạ, bản sao giấy khai sinh, giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học phổ thông/bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, phiếu đăng ký dự tuyển vào giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ theo quy định. Tuy nhiên, phiếu đăng ký dự tuyển vào cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa đúng mẫu theo quy định.

d) *Hình thức tuyển sinh: xét tuyển.*

e) *Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển sinh*

Đã đăng thông tin tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ dcv.edu.vn; tổ chức, quản lý quá trình xét tuyển trên phần mềm máy tính; in giấy báo trúng tuyển cho thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ kết quả xét tuyển của thí sinh; cập nhật thông tin đăng ký dự tuyển và công bố danh sách thí sinh trúng tuyển trên trang thông tin điện tử của trường.

f) *Kết quả tuyển sinh từ ngày 01/01/2020 đến thời điểm thanh tra*

Đã tuyển sinh 438 người học trình độ cao đẳng, cụ thể: năm 2020 tuyển sinh được 125 người học, năm 2021 tuyển sinh được 109 người học, năm 2022 đến thời điểm thanh tra tuyển sinh được 204 người học.

g) *Báo cáo kết quả tuyển sinh*

Hằng năm, Trường đã báo cáo kết quả tuyển sinh đến Sở LĐTĐ tỉnh Bắc Ninh; năm 2022, báo cáo kết quả tuyển sinh chưa đúng mẫu quy định.

h) *Đăng ký, thông báo chỉ tiêu tuyển sinh*

Hằng năm, Trường đã đăng ký và thông báo chỉ tiêu tuyển sinh với Sở LĐTĐ tỉnh Bắc Ninh, Tổng cục GDNN, tuy nhiên khi đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022, Trường chưa xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo các tiêu chí và nguyên tắc được quy định tại Điều 22, 23 và 24 Thông tư 05/2021/TT-BLĐTĐ tỉnh Bắc Ninh ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐ quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (sau đây gọi tắt là Thông tư 05/2021/TT-BLĐTĐ tỉnh Bắc Ninh): Trường chưa xác định tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa của từng ngành, nghề đào tạo; chưa xác định cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo (thời điểm xác định số liệu tính toán là ngày 31/12 hằng năm) mà chỉ căn cứ quy mô tuyển sinh được đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN.

2.2. Công tác đào tạo

a) *Xây dựng quy chế đào tạo và thông báo công khai các nội dung về đào tạo theo quy định*

- Đã xây dựng quy chế đào tạo: Quyết định số 2712/QĐ-CĐĐV ngày 27/12/2019; Quyết định số 3407/QĐ-CĐĐV ngày 10/7/2022.

- Đã thực hiện các nội dung công khai trước khi bắt đầu khóa học: kế hoạch giảng dạy, kế hoạch học tập, thời khóa biểu, giáo trình đào tạo, chương trình đào tạo, thời điểm bắt đầu và kết thúc mỗi học kỳ, năm học, khóa học; thời gian, thời lượng đào tạo lý thuyết, thực hành, thời gian nghỉ hè, lễ, tết, khai giảng, bế giảng, thời gian học tập ngoại khóa theo quy định.

b) Kết quả đào tạo

- Trong thời kỳ thanh tra, Trường đã tổ chức đào tạo 18 lớp cho 438 sinh viên tại địa điểm đăng ký hoạt động GDNN: năm 2020 có 05 lớp, 125 sinh viên; năm 2021 có 04 lớp, 109 sinh viên; năm 2022 đến thời điểm thanh tra có 09 lớp, 204 sinh viên.

- Đã tổ chức các lớp học lý thuyết đảm bảo không quá 35 sinh viên, lớp học thực hành không quá 18 sinh viên; đã bố trí các điều kiện đảm bảo cho các lớp học theo quy định.

c) Số người bỏ học, thôi học

Trong thời kỳ thanh tra, có 164 sinh viên thôi học, bỏ học: năm 2020: 08 sinh viên; năm 2021: 53 sinh viên; năm 2022: 103 sinh viên. Trường đã thực hiện đầy đủ quy trình cho sinh viên thôi học, bỏ học theo quy định.

d) Việc liên kết đào tạo và tổ chức đào tạo liên thông

Trong thời kỳ thanh tra, Trường không thực hiện liên kết và liên thông trong đào tạo.

2.3. Việc thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp cho người học nghề

- Đã thực hiện việc thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp trong đào tạo theo quy định: thành lập hội đồng thi, kiểm tra, công tác ra đề thi, kiểm tra, công tác chấm thi.

- Đã tổ chức thi và công nhận tốt nghiệp cho 16 sinh viên theo quy định: Quyết định số 0508/2022/QĐ-ĐV ngày 28/8/2022 về việc công nhận 16 sinh viên tốt nghiệp trình độ Cao đẳng khóa 11 năm 2022.

2.4. Công tác giáo vụ

2.4.1. Việc quản lý, sử dụng biểu mẫu, sổ quản lý đào tạo

a) Đối với trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp; đào tạo liên thông: đã ban hành quyết định phê duyệt hệ thống sổ, biểu mẫu quản lý sử dụng trong Trường theo quy định (hồ sơ sổ sách dành cho Trường gồm các tài liệu: chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu, sổ lên lớp, sổ quản lý học sinh sinh viên, sổ theo dõi đào tạo tại doanh nghiệp, sổ cấp bằng tốt nghiệp; hồ

sơ, sổ dành cho giáo viên, giảng viên: kế hoạch giảng dạy, giáo án lý thuyết, giáo án thực hành và giáo án tích hợp, sổ tay giáo viên).

b) Đối với trình độ sơ cấp: không phát sinh, do Trường chưa tuyển sinh và đào tạo trình độ sơ cấp

c) Đối với đào tạo dưới 03 tháng: không phát sinh, do Trường chưa đào tạo nghề dưới 03 tháng.

2.4.2. Việc ghi chép sổ, biểu mẫu quản lý đào tạo

a) Đối với trình độ cao đẳng: đã ghi chép đầy đủ hệ thống sổ, biểu mẫu quản lý đào tạo theo quy định.

b) Đối với trình độ trung cấp, sơ cấp, dưới 03 tháng: không phát sinh, do Trường chưa đào tạo trình độ trung cấp, sơ cấp hoặc dưới 03 tháng.

2.5. Công tác quản lý và cấp văn bằng, chứng chỉ

- Đã phê duyệt mẫu phôi bằng tốt nghiệp hệ cao đẳng và báo cáo Tổng cục GDNN, Sở LĐTĐXH tỉnh Bắc Ninh, Công an tỉnh Bắc Ninh theo quy định (theo Quyết định số 3307/QĐ-CĐĐV ngày 30/7/2022).

- Đã in 49 phôi bằng tốt nghiệp hệ cao đẳng, đã mở sổ theo dõi việc in và cấp phát phôi bằng cao đẳng; đã cấp phát 16 phôi bằng cao đẳng cho 16 sinh viên tốt nghiệp cao đẳng theo quy định.

3. Chế độ làm việc của nhà giáo

3.1. Đối với nhà giáo cơ hữu

- Đã quy định chế độ làm việc của nhà giáo theo quy định: Quyết định số 3908/QĐ-CĐĐV ngày 01/8/2021 của Hiệu trưởng, trong đó quy định:

+ Thời gian làm việc của nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trung cấp là 44 tuần/năm theo chế độ tuần làm việc 40 giờ, trong đó: thực hiện công tác giảng dạy và giáo dục học viên, học sinh, sinh viên 32 tuần đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng; 36 tuần đối với nhà giáo dạy trình độ trung cấp; học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học 08 tuần đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng; 04 tuần đối với nhà giáo dạy trình độ trung cấp; thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn 04 tuần đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trung cấp.

+ Thời gian làm việc của nhà giáo dạy trình độ sơ cấp là 46 tuần/năm theo chế độ tuần làm việc 40 giờ, trong đó: thực hiện công tác giảng dạy và giáo dục học viên, học sinh: 42 tuần; học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy; tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ 02 tuần; thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn: 02 tuần;

+ Định mức giờ giảng của nhà giáo GDNN dạy trình độ cao đẳng là 448 giờ/năm học, nhà giáo dạy trình độ trung cấp là 504 giờ/năm học, nhà giáo dạy trình độ sơ cấp là 588 giờ/năm học.

- Hằng năm đã xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo; đã tổ chức cho đội ngũ nhà giáo nghiên cứu khoa học, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, thực tập tại doanh nghiệp và các cơ quan chuyên môn để nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động của nhà giáo GDNN, tuy nhiên chưa có kế hoạch chi tiết mà chỉ nêu trong kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo hàng năm của Trường.

- Đã bố trí nhà giáo giảng dạy đảm bảo thời giờ làm việc quy định.

3.2. Đối với nhà giáo thỉnh giảng

Trường ký hợp đồng với 07 giảng viên thỉnh giảng, việc chi trả tiền thù lao theo quy định của cơ quan chủ quản.

4. Tình hình thực hiện kinh phí chương trình mục tiêu

Trường không được cấp kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật GDNN đã được Trường thực hiện

- 1.1. Đã thành lập Hội đồng quản trị và họp định kỳ 03 tháng/lần theo quy định.
- 1.2. Đã ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường theo quy định.
- 1.3. Có địa điểm xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo diện tích đất sử dụng tối thiểu của trường cao đẳng tại khu vực ngoài đô thị theo quy định.
- 1.4. Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất 08 m²/người.
- 1.5. Có thư viện đủ nguồn thông tin tư liệu như sách, giáo trình, bài giảng của các module, tín chỉ, học phần, môn học, các tài liệu liên quan đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập.
- 1.6. Đảm bảo đủ diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bình quân ít nhất 5.5 m²/chỗ học đối với quy mô đang đào tạo.
- 1.7. Số phòng học lý thuyết đảm bảo đủ theo quy định đối với quy mô tuyển sinh đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN.
- 1.8. Số phòng, xưởng thực hành, thực tập đảm bảo đủ theo quy định đối với quy mô tuyển sinh đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN.
- 1.9. Có đủ thiết bị đào tạo tối thiểu cho các nghề đào tạo đã đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN theo quy định.
- 1.10. Có đủ giảng viên, giáo viên cơ hữu đạt chuẩn theo quy định, đảm bảo tỷ lệ học sinh quy đổi trên giáo viên quy đổi không quá 25 (20 học sinh quy đổi/giáo viên quy đổi).

1.11. Đã xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo theo quy định; hằng năm đã cập nhật và chỉnh sửa chương trình đào tạo.

1.12. Đã ban hành quy chế tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh, thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký hội đồng tuyển sinh theo quy định.

1.13. Đã tuyển sinh 438 sinh viên trình độ cao đẳng, đảm bảo không vượt quá quy mô đã đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN.

1.14. Đã ban hành Quy chế quản lý đào tạo và đảm bảo đủ các nội dung theo quy định.

1.15. Đã tổ chức 18 lớp cho 438 sinh viên trình độ cao đẳng tại địa điểm đăng ký hoạt động GDNN; đã đảm bảo điều kiện cho các lớp đào tạo theo quy định.

1.16. Đã ký hợp đồng nguyên tắc và hợp đồng chi tiết theo từng năm để đào tạo thực hành với các cơ sở đào tạo thực hành: Công ty Cổ phần du lịch C.E.O, Công ty TNHH C.E.O Hospitality, Đại học Hòa Bình, hộ kinh doanh cửa hàng vật tư y tế tiêu hao Bảo Yên, Công ty TNHH Dược phẩm HUP, Công ty TNHH EDUPHARM Quốc tế, Trung tâm Y tế huyện Tiên Du, Bệnh viện Đa khoa Hồng Phúc (thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Trung tâm Y tế thành phố Từ Sơn.

1.17. Đã tổ chức thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp cho 16 sinh viên trình độ cao đẳng.

1.18. Đã lập hệ thống sổ, biểu mẫu quản lý đào tạo sử dụng trong Trường và ghi chép đầy đủ theo quy định.

1.19. Đã ban hành quyết định phê duyệt mẫu phôi bằng, chứng chỉ và báo cáo Tổng cục GDNN, Sở LĐTĐXH tỉnh Bắc Ninh và Công an tỉnh Bắc Ninh theo quy định; đã mở sổ theo dõi, quản lý in phôi bằng, chứng chỉ theo quy định.

1.20. Đã quy định chế độ làm việc của nhà giáo theo quy định, đã ký hợp đồng với nhà giáo thỉnh giảng và bố trí nhà giáo tham gia giảng dạy đảm bảo thời gian quy định.

1.21. Đã xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo GDNN.

2. Những quy định pháp luật GDNN chưa được Trường thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Theo quy mô tuyển sinh đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN, diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy chưa bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m²/chỗ học theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ LĐTĐXH (sau đây gọi tắt là Nghị định số 140/2018/NĐ-CP). Tuy nhiên, theo thực tế đào tạo, trong thời kỳ thanh tra, Trường đã đảm bảo đủ diện tích theo quy định $(900 + 1.670)/288 = 8,92 \text{ m}^2/\text{chỗ học}$.

2.2. Thư viện chưa có các phần mềm để tra cứu tài liệu theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP.

2.3. Năm 2022, báo cáo kết quả tuyển sinh chưa đúng mẫu quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH.

2.4. Ban hành phiếu đăng ký dự tuyển vào Trường chưa đúng mẫu quy định tại phụ lục số 02 Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH.

2.5. Tiêu chí xác định chỉ tiêu tuyển sinh chưa đúng quy định tại Điều 22 Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH: Trường chưa xác định tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa của từng ngành, nghề đào tạo; chưa xác định cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo (thời điểm xác định số liệu tính toán là ngày 31/12 hằng năm) mà chỉ căn cứ quy mô tuyển sinh được đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN.

IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Kiến nghị Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Đại Việt

1.1. Chỉ đạo khắc phục các sai phạm thiếu sót sau:

1.1.1. Bổ sung phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy đảm bảo đủ diện tích ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m²/chỗ học theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP.

1.1.2. Bổ sung phần mềm tra cứu tài liệu cho thư viện của Trường theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP.

1.1.3. Định kỳ hằng tháng, 06 tháng và hằng năm báo cáo kết quả tuyển sinh đúng mẫu quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH.

1.1.4. Ban hành phiếu đăng ký dự tuyển vào Trường đúng mẫu quy định tại phụ lục số 02 Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH.

1.1.5. Khi đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh với Sở LĐTBXH tỉnh Bắc Ninh và Tổng cục GDNN, Trường phải xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo tiêu chí và nguyên tắc được quy định tại Điều 22, 23 và 24 Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH.

1.2. Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân để xảy ra những sai phạm đã nêu tại mục 2 phần III Kết luận thanh tra này.

2. Kiến nghị Giám đốc Sở LĐTBXH tỉnh Bắc Ninh

Chỉ đạo, đôn đốc Trường Cao đẳng Đại Việt khắc phục những sai phạm đã nêu tại mục 2 phần III Kết luận thanh tra này.

3. Kiến nghị Tổng cục GDNN

Tổ chức kiểm tra, đánh giá các điều kiện về cơ sở vật chất của Trường, xác định mức độ vi phạm để xem xét áp dụng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Luật GDNN và khoản 17 Điều 1 Nghị định 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của

Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực GDNN.

4. Các biện pháp xử lý

Không phát sinh

V. THỜI HẠN THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ

Trường Cao đẳng Đại Việt thực hiện các kiến nghị nêu tại Phần IV Kết luận thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện kèm hồ sơ, tài liệu chứng minh về Thanh tra Bộ LĐTBXH (địa chỉ: Số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội) trước ngày 30/5/2023./.

Nơi nhận: *luu*

- Trường Cao đẳng Đại Việt (để t/h);
- Bộ trưởng Đào Ngọc Dung (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Tân Dũng (để b/c);
- Chánh Thanh tra (để b/c);
- Tổng cục GDNN (để chỉ đạo t/h);
- Sở LĐTBXH tỉnh Bắc Ninh (chỉ đạo t/h);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ;
- Lưu: TTr, TDTX, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp

